TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08/4/2026
Về việc Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Đào
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Khánh; ông Nguyễn Hữu Nhị
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Văn Duy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tâm, Kiểm sát viên.
Ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 54/2026/TLST-HNGĐ, ngày 03/3/2026 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Mark Antony W, sinh năm 1973; Quốc tịch: Vương Quốc L và B - Len; Hộ chiếu số: 152721882, cấp ngày 16/01/2025 tại Vương Quốc L và B – Len; Địa chỉ thường trú: 95 W, S61, 2EX South Yorkshine, E; Tạm trú tại: I, đường P, tổ I, khu phố E, phường V, Tp Hồ Chí Minh; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Võ Thị Thanh H, sinh năm 1986; căn cước công dân số: 040186025485; Địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh; (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Những người tham gia tố tụng khác: (người được ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ):

1. Bà Trần Thị T, sinh năm: 1981; Địa chỉ: I, đường P, tổ I, khu phố E, phường V, Tp Hồ Chí Minh (nhận uỷ quyền của ông Mark Antony W); (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1954; Thôn T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh (nhận uỷ quyền của bà Võ Thị Thanh H); (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn cũng như các tài liệu thu thập trong quá trình giải quyết, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn ông Mark Antony W trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Mark Antony W kết hôn với chị Võ Thị Thanh H ngày 08/12/2016 tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc, tuy nhiên kể từ năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Chị H bỏ đi không còn chung sống với ông Mark Antony W. Vợ chồng không liên lạc với nhau từ thời điểm đó đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân nhiều năm, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản, không có nợ chung.

Vì điều kiện phải thường xuyên đi làm xa không ở Việt Nam nên ông Mark A Woodhead xin vắng mặt các buổi công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa và ủy quyền cho bà Trần Thị T giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo lại cho ông.

Nguyên đơn ông Mark Antony W giao nộp cho Tòa án các tài liệu: Trích lục kết hôn, Hộ chiếu nguyên đơn bản sao chứng thực, Giấy miễn thị thực của nguyên đơn bản sao chứng thực, Sổ khai báo tạm trú nguyên đơn bản sao, Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, Bản tự khai (kèm bản dịch), Đơn xin xét xử vắng mặt (kèm bản dịch), Hộ chiếu bản dịch, Giấy ủy quyền, Căn cước công dân Trần Thị T bản sao.

Bị đơn chị Võ Thị Thanh H lao động tự do ở Thái Lan, ngày 16/3/2026 chị H về Việt Nam, có mặt tại Tòa án trình bày:

Chị Võ Thị Thanh H và ông Mark Antony W đăng ký kết hôn ngày 08/12/2016 tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân do cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, ngày càng khác biệt về suy nghĩ và lối sống, không quan tâm đến nhau, chị H đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản, không có nợ chung.

Chị H đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án. Hiện tại, do phải tiếp tục đi làm ăn xa nên chị H xin được vắng mặt trong cả quá trình giải quyết vụ án và ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị H1 trực tiếp giao nhận các văn bản, tài liệu của Tòa án và thông báo lại cho chị.

Phía bị đơn giao nộp cho Tòa án các tài liệu: Xác nhận thông tin cư trú của bị đơn; Căn cước công dân bị đơn bản sao chứng thực; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Hộ chiếu chị Võ Thị Thanh H (bản sao); Căn cước công dân bà Nguyễn Thị H1 và ông Võ Sỹ H2 (bản sao); Giấy đồng ý nhận ủy quyền của bà Nguyễn Thị H1.

Tòa án đã tiến hành thu thập được các tài liệu: Biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị H1.

Hai bên đương sự đã được tiếp nhận đầy đủ các tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Mark Antony W và chị Võ Thị Thanh H; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét. Buộc nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Mark Antony W, quốc tịch Vương Quốc L và B - Len khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Bị đơn chị Võ Thị Thanh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã C, tỉnh Hà Tĩnh, tại thời điểm thụ lý vụ án, chị H đang lao động tự do tại Thái Lan, ngày 13/3/2026 chị H mới nhập cảnh về Việt Nam. Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 37, Điều 39, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao tại Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về giải quyết vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài, bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài không rõ địa chỉ.

[1.3] Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã trình bày đầy đủ quan điểm đối với việc giải quyết vụ án. Đồng thời nguyên đơn ủy quyền việc giao nhận tài liệu, chứng cứ cho bà Trần Thị T; bị đơn ủy quyền việc giao nhận tài liệu, chứng cứ cho bà Nguyễn Thị H1 (mẹ đẻ của bị đơn). Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Mark Antony W kết hôn với chị Võ Thị Thanh H, đăng ký kết hôn ngày 08/12/2016 tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký đúng quy định của pháp luật, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông Mark Antony W và chị Võ Thị Thanh H ở Việt Nam, chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian. Đến năm 2019 nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống xa cách từ đó đến nay, mâu thuẫn không thể hàn gắn, không quan tâm chăm sóc đến nhau. Đối với yêu cầu ly hôn của ông Mark Antony W, chị Võ Thị Thanh H cũng thống nhất.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của ông Mark Antony W và chị Võ Thị Thanh H thông qua bà Nguyễn Thị H1 (mẹ đẻ chị H). Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2026, bà H1 trình bày: sau khi kết hôn ông Mark Antony W và chị H chung sống hạnh phúc được một thời gian ở Việt Nam. Đến năm 2019 nảy sinh mâu thuẫn, không chung sống với nhau, chị H lao động tự do tại Thái Lan, không có địa chỉ cụ thể nhưng thường xuyên liên lạc về cho gia đình và đã biết việc ông Mark Antony W nộp đơn ly hôn chị. Gia đình đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị H. Chị H biết được việc ly hôn nên ngày 13/3/2026 nhập cảnh về Việt Nam, có mặt tại Tòa án trình bày ý kiến đồng ý ly hôn và xin được giải quyết vắng mặt để chị tiếp tục đi làm ăn xa. Chị H ủy quyền cho bà H1 giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho chị H.

Xét thấy, sự đồng thuận thống nhất ly hôn giữa các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; cuộc hôn nhân giữa ông Mark Antony W và chị Võ Thị Thanh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận giải quyết cho ông Mark Antony W và chị Võ Thị Thanh H theo quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Các đương sự không có con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về án phí*: Các đương sự thuận tình ly hôn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 37, Điều 39, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm

phán TAND tối cao quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, 479, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, 57, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Về hôn nhân*:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Mark Antony W và chị Võ Thị Thanh H.

2. Về con chung: Ông Mark Antony W và chị Võ Thị Thanh H không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Mark Antony W phải nộp 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000275 ngày 03/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh; ông Mark Antony W được trả lại 225.000 đồng. Chị Võ Thị Thanh H phải nộp 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 1 - Hà Tĩnh;
- THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Cẩm Xuyên;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Đào